

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/1/2016 đến ngày 31/03/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý I năm 2016 VND	Quý I năm 2015 VND	Lũy kế từ đầu	Lũy kế từ đầu
					năm đến cuối quý I / 2016	năm đến cuối quý I / 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		267,213,599,709	207,009,384,766	267,213,599,709	207,009,384,766
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	267,213,599,709	207,009,384,766	267,213,599,709	207,009,384,766
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	208,821,818,615	186,298,028,816	208,821,818,615	186,298,028,816
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		58,391,781,094	20,711,355,950	58,391,781,094	20,711,355,950
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	1,264,033,984	1,905,127,804	1,264,033,984	1,905,127,804
7. Chi phí tài chính	22	5.22	1,080,735,481	128,375,002	1,080,735,481	128,375,002
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,080,735,481	128,375,002	1,080,735,481	128,375,002
8. Chi phí bán hàng	25	5.23	1,418,570,431	1,406,811,562	1,418,570,431	1,406,811,562
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	9,321,959,711	7,547,254,925	9,321,959,711	7,547,254,925
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		47,834,549,455	13,534,042,265	47,834,549,455	13,534,042,265
11. Thu nhập khác	31	5.25	180,763,583	70,163,294	180,763,583	70,163,294
12. Chi phí khác	32	5.26	10,528,010	74,254,569	10,528,010	74,254,569
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		170,235,573	(4,091,275)	170,235,573	(4,091,275)
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên	45					
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		48,004,785,028	13,529,950,990	48,004,785,028	13,529,950,990
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	309,688,724	1,405,718,482	309,688,724	1,405,718,482
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		47,695,096,304	12,124,232,508	47,695,096,304	12,124,232,508
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	7,014	1,783	7,014	1,783

Sơn La, ngày 18 tháng 4 năm 2016

Người lập

p. Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc









Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP QUÝ I/2016

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

	MS	TM	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		271,137,270,216	162,644,396,060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26,740,380,845	7,859,638,449
1. Tiền	111		713,439,495	2,859,638,449
2. Các khoản tương đương tiền	112		26,026,941,350	5,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157,598,131,349	112,844,583,566
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	57,597,682,771	3,119,549,871
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	39,556,932,202	52,885,835,065
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	9,400,000,000	9,400,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	59,744,529,611	56,190,098,865
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(8,701,013,235)	(8,750,900,235)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	85,880,564,689	37,253,146,076
1. Hàng tồn kho	141		85,880,564,689	37,253,146,076
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		918,193,333	4,687,027,969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	546,110,829
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40,851,925	3,263,575,732
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		877,341,408	877,341,408
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
	MS	TM	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141,262,243,026	100,075,501,014
II. Tài sản cố định	220		118,879,621,685	87,968,439,447
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	117,950,399,890	86,996,167,652
- Nguyên giá	222		268,533,507,662	220,486,150,162
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150,583,107,772)	(133,489,982,510)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	929,221,795	972,271,795
- Nguyên giá	228		1,429,666,774	1,429,666,774
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(500,444,979)	(457,394,979)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18,761,138,982	8,994,587,213
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	18,761,138,982	8,994,587,213
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,000,000,000	3,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,000,000,000	3,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		621,482,359	112,474,354
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	621,482,359	112,474,354
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		412,399,513,242	262,719,897,074

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP QUÝ I/2016 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

	MS	TM	31/03/2016	01/01/2016
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		166,571,624,815	64,587,104,951
I. Nợ ngắn hạn	310		128,519,429,835	60,166,355,301
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	77,268,073,100	36,308,879,413
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	18,237,901,601	11,514,642,501
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1,723,863,697	1,461,980,578
4. Phải trả người lao động	314		16,684,830,097	2,587,105,226
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	11,903,432,500	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	634,136,120	654,089,977
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	4,626,778,526
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2,067,192,720	3,012,879,080
II. Nợ dài hạn	330		38,052,194,980	4,420,749,650
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		38,052,194,980	4,420,749,650
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		245,827,888,427	198,132,792,123
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	245,827,888,427	198,132,792,123
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		68,000,000,000	68,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		68,000,000,000	68,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,998,638,028	3,998,638,028
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		31,607,779,802	31,607,779,802
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5,996,867,306	5,996,867,306
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		136,224,603,291	88,529,506,987
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		88,529,506,987	53,861,175,939
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47,695,096,304	34,668,331,048
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		412,399,513,242	262,719,897,074
(440 = 300+400)				

Người lập



Nguyễn Thu Hồng

P. Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Khương

Sơn La, ngày 18 tháng 4 năm 2016

Tổng Giám đốc




Trần Ngọc Hiếu